TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 152/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1995

HKTT: Ấp I, xã O, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Hồ Tố D, sinh năm 1993

HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 05/3/2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà T) trình bày:***

Bà T và ông D chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương năm 2015.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại ấp I, xã O, huyện C, tỉnh Bình Dương nhưng đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay xảy ra gây gổ. Ông D là người không chung thủy với bà T khi có hành vi chung sống với người phụ nữ khác, không lo làm ăn kinh tế chăm lo cho gia đình làm cho đời sống vợ chồng sống chung không còn tình cảm và không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2018 thì hai vợ chồng đã không còn sống chung, ông D chuyển về nhà cha mẹ ruột tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Vì vậy, bà T làm đơn xin ly hôn với ông D.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Khả Q, sinh ngày 30/12/2015. Hiện nay con chung đang sống chung với bà T tại ấp I, xã O, huyện C, tỉnh Bình Dương. Bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà T đang làm Công ty Cổ phần giầy ĐL tại khu công nghiệp RB thuộc thị xã P, tỉnh Bình Dương với mức thu nhập theo hợp đồng lao động của bà T là 4.750.000 đồng đủ để chăm sóc nuôi dưỡng con.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Trang không có ý kiến gì khác.

**** Đối với bị đơn ông Hồ Tố D:***

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông D biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện ông Hồ Tố D về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông D hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà T và ông D chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay xảy ra gây gổ. Ông D là người không chung thủy với bà Trang, không lo làm ăn kinh tế chăm lo cho gia đình làm cho đời sống vợ chồng sống chung không còn tình cảm và không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2018 thì hai vợ chồng đã không còn sống chung, ông D chuyển về nhà cha mẹ ruột tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Vì vậy, bà T làm đơn xin ly hôn với ông D.

[3] Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông D nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông D vẫn không có mặt, điều này cho thấy ông D không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời theo các biên bản xác minh ngày 10/5/2018 thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông D không lo làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình và thường đánh bà T. Bà T và ông D không sống chung với nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông D không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Khả Q, sinh ngày 30/12/2015. Bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay con chung đang sống chung với bà T tại ấp I, xã O, huyện C, tỉnh Bình Dương, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ vị thành niên nên giao cháu Q cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[6] Tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Hồ Tố D về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Hồ Tố D.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Khả Q, sinh ngày 30/12/2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu ông Hồ Tố D cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011572 ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2018). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.